

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 44/2020/HS-ST

Ngày: 13/5/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D – TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Viết Trà, bà Nguyễn Thị Bắc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: TBS - Giới tính: Nam; Sinh năm 1990 tại Gia Lai.

Hộ khẩu thường trú: 540/30/17/5, tổ 02, phường PĐ, thành phố D, tỉnh Gia Lai.

Nơi đã cư trú: 51 đường W, tổ 01, phường IK, Tp Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Thợ S.

Cha: T B H - Sinh năm 1965; Mẹ: H L T - Sinh năm 1988.

Cha và mẹ của bị cáo hiện trú tại Tổ 02, phường PĐ, thành phố D, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có 04 anh, em ruột (lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1995). Bị cáo là con thứ ba trong gia đình.

Vợ: T T T - Sinh năm 1992. Bị cáo chưa có con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo TBS bị tạm giữ từ ngày 31/12/2019 đến ngày 09/01/2020, sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố D.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác:

*** Người chứng kiến:** Ông NVD; địa chỉ: Tổ 10, phường PĐ, thành phố D, tỉnh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

TBS là người có sử dụng ma túy; qua quen biết ngoài xã hội, S có được số điện thoại của đối tượng tên Q (không rõ nhân thân, lai lịch) có bán ma túy. Chiều ngày 31/12/2019, S gọi điện thoại cho Q hỏi mua ma túy loại Heroine để sử dụng, Q đồng ý và hẹn S đến bên hông chợ Hội Phú, thành phố D để thực hiện việc mua bán ma túy. Khoảng 16 giờ cùng ngày, S đi bộ đến địa chỉ nêu trên thì gặp Q. Tại đây, S đưa cho Q 600.000 đồng, Q bán cho S 02 gói giấy bên trong chứa ma túy loại Heroine. Sau khi mua được ma túy, lúc này khoảng 17 giờ 40 phút ngày 31/12/2019, khi S đang đi bộ tại hẻm số 90 đường TC, Tổ 09, phường PĐ, thành phố D để đi về nhà thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D phát hiện, bắt quả tang và thu giữ trong túi quần của S đang mặc 02 gói giấy bên trong chứa chất rắn màu trắng dạng cục, bột (được niêm phong theo quy định). Ngoài ra, Cơ quan điều tra còn thu giữ của S 01 chiếc điện thoại di động hiệu Masstel, kèm sim có số Seri: 898404.800003.3674166.

Qua giám định, tại bản Kết luận giám định số 134/KLGĐ ngày 07/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng, dạng cục, bột trong 02 (hai) gói giấy trong bì công văn niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine, tổng khối lượng 0,1762 gam”*.

Tại bản cáo trạng số 72/CT-VKS ngày 13/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D đã truy tố bị cáo TBS về tội: *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”* theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo TBS phạm tội *“Tàng trữ trái phép chất ma túy”*.

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị HĐXX: xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ: Khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu Masstel, kèm sim số.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì công văn ghi số 134/PC09 ngày 07/01/2020, có dấu niêm phong của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Đối với người nam thanh niên tên Q là người mà bị cáo S khai đã bán chất ma túy loại Heroine cho S vào ngày 31/12/2019, quá trình điều tra do S không biết rõ nhân thân, lai lịch của Q; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã xác

minh tại phường HP, thành phố D nhưng chưa xác định được ai là người tên Q; đồng thời đã tiến hành kiểm tra danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của bị can nhưng không xác định được số điện thoại của Q nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được, sẽ xem xét và xử lý sau.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo TBS phải chịu án phí hình sự theo luật định.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo TBS khai nhận: Vào lúc 17 giờ 40 phút ngày 31/12/2019, sau khi TBS mua, rồi cất giấu trong người 0,1762 gam, loại Heroine, nhằm mục đích để sử dụng, đang đi bộ trên đường hẻm số 90 đường Trường Chinh, Tổ 09, phường Phù Đồng, thành phố D để về nhà thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D phát hiện bắt quả tang và thu giữ cùng tang vật.

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, lời khai người làm chứng, tang vật thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp Kết luận giám định số 134/PC09 ngày 07/01/2020 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai, kết luận: *“Chất màu trắng, dạng tinh thể trong 01(một) gói nilon trong bì thư niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine khối lượng 0,1762 gam”*.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách quản lý độc quyền của Nhà nước về các loại chất ma túy, nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Tệ nạn ma túy là một hiểm họa lớn cho toàn xã hội, gây tác hại xấu cho sức khỏe của con người, làm suy thoái nòi giống dân tộc, làm băng hoại đạo đức và phẩm giá con người, phá hoại hạnh phúc gia đình, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến trật tự, an toàn xã hội và an ninh quốc gia, là một trong những nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các tội phạm khác nên Nhà nước có chính sách

quản lý, kiểm soát chặt chẽ, nghiêm cấm việc mua bán, tàng trữ, sử dụng trái phép. Bị cáo là người đã thành niên, có đủ khả năng lao động, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nhận thức được tác hại của tệ nạn ma túy, nhưng vì nghiện, để thỏa mãn nhu cầu không lành mạnh của bản thân, bị cáo đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi cất giấu chất ma túy trong người để sử dụng. Do đó hành vi của các bị cáo đã cấu thành tội phạm và phải chịu sự chế tài của pháp luật hình sự.

Tuy nhiên HĐXX thấy cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

3. Đối với người nam thanh niên tên Q là người mà bị cáo S khai đã bán chất ma túy loại Heroine cho S vào ngày 31/12/2019, quá trình điều tra do S không biết rõ nhân thân, lai lịch của Q; Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đã xác minh tại phường Hội Phú, thành phố D nhưng chưa xác định được ai là người tên Q; đồng thời đã tiến hành kiểm tra danh bạ, nhật ký cuộc gọi, tin nhắn trong chiếc điện thoại đã thu giữ của bị cáo nhưng không xác định được số điện thoại của Q nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Do đó, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào xác định được sẽ xem xét và xử lý sau.

4. Vật chứng của vụ án:

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel kèm sim số, (Điện thoại cũ, đã qua sử dụng) đây là điện thoại bị cáo sử dụng liên lạc mua bán ma túy.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì công văn số 134/PC09 ngày 07/01/2020 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo TBS phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Áp dụng: Điểm c Khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Áp dụng: Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: bị cáo TBS 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel kèm thẻ sim, số Seri: 898404.800003.3674166 (Điện thoại cũ, đã qua sử dụng) đây là điện thoại bị cáo sử dụng liên lạc mua bán ma túy.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì công văn ghi số 134/PC09 ngày 07/01/2020 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai. (có các chữ ký ghi họ tên của NVQ, BST, HV)

(Tất cả theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Công an thành phố D và Chi cục thi hành án dân sự thành phố D ngày 16/4/2020).

3. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo TBS phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 13/5/2020) bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THA dân sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Tố Uyên

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 ngày 13 tháng 5 năm 2020;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia lai.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bắc, ông Trần Viết Trà.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 68/2019/TLST-HS ngày 15 tháng 4 năm 2020 đối với:

Bị cáo TBS - Sinh năm 1990 tại Gia Lai.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tội danh:

- Ý kiến của Hội thẩm 1:

Bị cáo TBS phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Ý kiến của Hội thẩm 2 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

2. Về điều luật áp dụng (điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự):

- Ý kiến của Hội thẩm 1:

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

- Ý kiến của Hội thẩm 2 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 1.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

3. Mức hình phạt:

- Ý kiến của Hội thẩm 2 Căn cứ vào tính chất mức độ phạm tội.

Xử phạt: bị cáo TBS 01 năm 03 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày 31/12/2019

Ý kiến của Hội thẩm 1 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 2.
Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

4. Các vấn đề khác:

- Ý kiến của Hội thẩm 2:

- Tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước: 01 Điện thoại di động nhãn hiệu Masstel kèm sim số, (Điện thoại cũ, đã qua sử dụng) đây là điện thoại bị cáo sử dụng liên lạc mua bán ma túy.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 bì công văn số 134/PC09 ngày 07/01/2020 có dấu niêm phong của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Gia Lai.

Buộc bị cáo TBS phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 13/5/2020) bị cáo được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Ý kiến của Hội thẩm 1 và Chủ tọa phiên tòa nhất trí với ý kiến của Hội thẩm 2.

Kết quả biểu quyết: 3/3 đồng ý.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 20 phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA